TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **99**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 7 - 2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp;

Bà Trần Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đà Lạl, thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Nin - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Trần Quốc H, sinh năm: 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng chính xã hội (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 9, xã T, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 19, xã T, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Trần Quốc H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, huyện M, tỉnh Cà Mau. Sau cưới, vợ chồng hạnh phúc và có một con chung nhưng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày nên xảy ra cự cãi, giận dỗi nhau. Chồng chị không lo làm ăn, ghen tuông vô cớ dẫn đến cự cãi chửi mắng xúc phạm uy tín của chị. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và vợ chồng đã không còn chung sống từ tháng 01 năm 2018 đến nay. Chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng với anh H không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh Trần Quốc H.

Về con chung: có 01 người con chung tên Trần Thị C, sinh năm 2010, hiện con chung do chị nuôi. Sau khi ly hôn con có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu con ở với chị thì chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu.

Về nợ chung: nợ ông Nguyễn Văn T 20 chỉ vàng 24k; nợ bà Nguyễn Thị H1 20 chỉ vàng 24k; nợ Ngân hàng chính sách xã hội 20.000.000 đồng. chị N yêu cầu chia theo quy định pháp luật.

- Bị đơn anh Trần Quốc H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đại diện Ngân hàng chính sách xã hội vắng mặt tại phiên tòa.

- Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày: vợ chồng chị N, anh H có nợ ông 20 chỉ vàng 24K, đối với số nợ này chị N hay anh H trả đều được, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này.

- Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 trình bày: vợ chồng chị N, anh H có nợ bà 20 chỉ vàng 24K, đối với số nợ này do chị N là người nhận nợ, tại phiên tòa ông H vắng mặt nên phần nợ này bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này để tự thỏa thuận với nhau.

- Tại biên bản ngày 06/7/2018 ghi nguyện vọng của Trần Thị C, sinh ngày 07/01/2010 thể hiện cháu Chăm có nguyện vọng sống với chị N sau khi anh H và chị N ly hôn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: về tuân thủ của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn, ngân hành chính sách xã hội vắng mặt tại phiên tòa. Về nội dung: đề nghị Hồi đồng xét xử chấp nhận cho Niềm được ly hôn với anh H, giao con chung tên Trần Thị C cho chị N nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Tài sản chung không yêu cầu nên không xem xét. Nợ chung: chị N xác định nợ anh T 20 chỉ vàng 24K, chị H1 20 chỉ vàng 24K, Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện M, tỉnh Cà Mau số tiền 20.000.000 đồng, anh T, chị H1 không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Ngân hàng chính sách không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị N được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trần Quốc H là bị đơn, Ngân hàng chính sách xã hội được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị N, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Quốc H, Ngân hàng chính sách xã hội.

[2] Về nội dung: chị Nguyễn Thị N và anh Trần Quốc H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị N và anh Trần Quốc H là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống giữa vợ chồng chị Nguyễn Thị N và anh Trần Quốc H xảy ra mâu thuẫn nhưng không hòa giải với nhau được, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị N, anh Trần Quốc H không có ý kiến. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị N vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Trần Quốc H đều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: tên Trần Thị C, sinh năm 2010, có nguyện vọng sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, chị N cũng yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N về con chung, giao con chung tên Trần Thị C, sinh năm 2010 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở. Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Tài sản chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Nợ chung: chị N xác định có nợ Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện M, Cà Mau số tiền 20.000.000 đồng, nợ ông Nguyễn Văn T 20 chỉ vàng 24K, bà Nguyễn Thị H1 20 chỉ vàng 24K và yêu cầu chia nợ chung. Đối với nợ chung chị N nêu, tại phiên tòa, ông T và bà H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án nên không đặt ra xem xét. Ngân hàng chính sách xã hội U Minh không có ý kiến đối với khoản nợ chị N liệt kê nên không đặt ra xem xét. Đối với các khoản nợ chung chị N đã nêu nếu các bên không thỏa thuận được với nhau thì có quyền yêu cầu giải quyết thành vụ kiện khác.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trần Quốc H.

2. Con chung: tên Trần Thị C, sinh ngày 22/6/2014 giao cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Anh Trần Quốc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Tài sản chung: không yêu cầu nên không đặt ra xem xẻ.

Nợ chung: không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng, chị Nguyễn Thị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011857 ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí, chị Nguyễn Thị N đã nộp xong.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qu y định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THA DS huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Nơi thực hiện đăng ký kết hôn.
- Lưu:Hồ sơ, văn thư.

Huỳnh Việt Hằng